

débats politiques et littéraires, N° 158, 4-7-1938, Paris, p.6.

26. "La Vie Diplomatique", *Affaires étrangères*, N° 8, 10-1938, Paris, p.482.

27. "Partie non officielle", *Journal officiel de la Guyane française*, N° 28, 9-7-1938, Cayenne (Guyane), p.528.

28. "Le Japon et l'occupation des Îles Paracel", *Le Petit Parisien*, N° 22407, 6-7-1938, Paris, p.3.

29. Bernard Serampuy, "Chroniques", *Sciences politiques*, N° 9, 8-1938, Paris, p.361.

30. "La Vie Diplomatique", *Affaires étrangères*, N° 8, 10-1938, Paris, p.483.

31. "Les Îles Paracels n'ont pas reçu de matériel de guerre", *La Croix*, N° 17004, 14-7-1938, Paris, p.1.

32. "Le Japon fait des représentations à Paris à propos des îles Paracel", *Ce soir*, N° 492, 8-7-1938, Paris, p.5.

33. "La version nipponne", *Ce soir*, N° 492, 8-7-1938, Paris, p.5.

34. "A propos des Îles Paracels", *Journal des débats politiques et littéraires*, N° 161, 8-7-1938, Paris, p.6.

35. "Le Japon et l'occupation des Îles Paracel", *Le Petit Troyen*, N° 20339, 8-7-1938, Troyes, p.1.

36. "Protestation nipponne contre l'occupation des Îles Paracels", *Le Populaire*, N° 5623, 8-7-1938, Paris, p.3.

37. Paul Mousset, "Les Îles Paracels appartiennent à la France", *Le Figaro*, N° 188, 7-7-1938, Paris, p.3.

38. "Tokio proteste contre l'occupation des Îles Paracels", *Le Matin*, N° 19830, 8-7-1938, Paris, p.3.

39. "La question des Paracels", *L'Information d'Indochine*, N° 240, 9-7-1938, Saigon, p.2.

40. "A propos des Îles Paracels", *Journal des débats politiques et littéraires*, N° 161, 8-7-1938, Paris, p.2.

41. "Hainan et les Paracels",

Le Courrier colonial, N° 2008, 8-7-1938, Paris, p.1.

42. "Le Quai d'Orsay examine la note japonaise au sujet de l'occupation des Îles Paracels", *Le Journal*, N° 16698, 9-7-1938, Paris, p.5.

43. Công hàm của Đại sứ quán Pháp tại Nhật Bản gửi chính phủ Nhật Bản ngày 12-7-1938.

44. "Des navires de guerre français gardent-ils les îles Paracels", *L'Ouest-Éclair*, N° 15220, 13-7-1938, Rennes, p.3.

45. "Les Îles Paracels n'ont pas reçu de matériel de guerre", *La Croix*, N° 17004, 14-7-1938, Paris, p.1.

46. "Việc đảo Tây Sa (Hoàng Sa) đã tiệm yên", *Đuốc Tuệ*, Số 90, 1-8-1938, Hanoi, tr.45.

47. "A propos des Îles Paracels", *Journal des débats politiques et littéraires*, N° 161, 8-7-1938, Paris, p.2.

48. "Au Japon", *Marianne*, N° 299, 13-7-1938, Paris, p.2.

49. Alain Lubrano, "La défense de nos colonies devant le Congrès Radical", *Les Annales coloniales*, N° 45, 9-11-1938, Paris, p.1.

50. "Les Japonais n'occupèrent pas les Paracels îles françaises", *Paris-soir*, N° 163, 11-2-1939, Paris, p.6.

51. "Echos et Nouvelles", *Le Nouvelliste d'Indochine*, N° 126, 5-3-1939, Saigon, p.2.

52. "Pas de débarquement de troupes japonaises aux Îles Paracels", *L'Humanité*, N° 14710, 31-3-1939, Paris, p.3.

53. Nghị định số 3282 do Toàn quyền Đông Dương J. Brévié ký ngày 5-5-1939.

54. Nhật Bản gọi là Shinnan Shoto, âm Hán-Việt là Tân Nam Chư Đảo, có nghĩa là "nhóm đảo mới ở phía nam".

55. Kazumasa Kikuchi, *Các nước Đông Nam Á và Dân cư*, sách đã dẫn, tr.15.

56. Kazumasa Kikuchi, *Các nước Đông Nam Á và Dân cư*, sách đã dẫn, tr.16.

Việt Nam có nhiều bằng chứng lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền của mình đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tuy nhiên, Trung Quốc luôn viện dẫn Công thư năm 1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng về việc ủng hộ Tuyên bố ngày 4-9-1958 của Trung Quốc về lãnh hải là một bằng chứng về việc Việt Nam đã công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Do đó, việc xác định và giá trị pháp lý của Công thư năm 1958 liên quan đến chủ quyền quốc gia đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là rất quan trọng. Để làm được điều đó, bài viết sẽ phân tích và trả lời các câu hỏi sau đây:

I. Dưới góc độ Luật quốc tế, Tuyên bố ngày 4-9-1958 của Trung Quốc liên quan đến chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có giá trị pháp lý hay không?

II. Nội dung của Công thư năm 1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng có tuyên bố công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa hay không?

III. Theo pháp luật Việt Nam, vào thời điểm năm 1958 Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quyền tuyên bố công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa hay không?

IV. Theo các văn kiện đã được ký kết tại Hội nghị Genève, Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có quyền tuyên bố công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa hay không?

1. Về giá trị pháp lý của Tuyên bố ngày 4-9-1958 của Trung Quốc liên quan đến chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Từ thế kỷ XVII đến nay, Việt Nam đã thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ khi hai quần đảo này chưa hề thuộc chủ quyền của bất cứ nước nào.

Giá trị pháp lý của công thư năm 1958 liên quan đến chủ quyền quốc gia đối với hai quần đảo HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA

Trần Việt Dũng^(*)

Trong hàng trăm năm qua, chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được thực thi một cách liên tục, hòa bình và được cộng đồng quốc tế thừa nhận.

Tuy nhiên, ngày 4-9-1958 Trung Quốc ra một tuyên bố về lãnh thổ và hải phận bao gồm 4 điều, trong đó có điều 1 liên quan trực tiếp đến chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa với nội dung như sau:

“Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa nay tuyên bố:

(1) Bề rộng lãnh hải của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là 12 hải lý. Điều lệ này áp dụng cho toàn lãnh thổ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, bao gồm phần đất Trung Quốc trên đất liền và các hải đảo ngoài khơi, Đài Loan (tách biệt khỏi đất liền và các hải đảo khác bởi biển cả) và các đảo phụ cận, quần đảo Bạch Hổ, quần đảo Đông Sa, quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa), quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa (Trường Sa)..., và các đảo khác thuộc Trung Quốc⁽¹⁾.

Tuyên bố ngày 04-9-1958

của Trung Quốc là một tuyên bố đơn phương với những nội dung xuyên tạc, trái ngược với những chứng cứ lịch sử, cơ sở pháp lý và đặc biệt trái ngược với những văn kiện pháp lý quốc tế từ trước và sau Chiến tranh Thế giới lần thứ 2. Từ Tuyên bố Cairo năm 1943, Tuyên ngôn Hội nghị Potsdam năm 1945 cho đến Biên bản Hội nghị San Francisco năm 1951, Các văn kiện của Hội nghị Genève năm 1954... đều đã mặc nhiên thừa nhận hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc lãnh thổ của Việt Nam. Các vùng lãnh thổ của Trung Quốc được Tuyên bố Cairo xác nhận, Tuyên ngôn Hội nghị Potsdam và Hòa ước San Francisco khẳng định lại chỉ bao gồm Đài Loan và Bành Hồ⁽²⁾.

Đặc biệt tại Hội nghị San Francisco, có 46/51 nước tham gia Hội nghị đã bác bỏ yêu sách về chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trong một phiên họp toàn thể của Hội nghị San Francisco, đại diện phái đoàn Việt Nam đã long

trọng tuyên bố chủ quyền lâu đời và liên tục của mình trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Lời tuyên bố đó đã được Hội nghị San Francisco ghi vào biên bản và không có một phái đoàn nào trong tất cả 51 phái đoàn tham dự hội nghị phản đối. Điều này chứng tỏ Hội nghị San Francisco đã mặc nhiên công nhận chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Tại Hội nghị Genève năm 1954 về lập lại hòa bình ở Đông Dương, Trung Quốc đã tham dự và ký kết vào Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị, trong đó nêu rõ: “các thành viên tham dự Hội nghị Genève cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước, không có bất kỳ sự can thiệp nào vào công việc nội bộ của từng nước⁽³⁾. Việc tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước, theo Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève, cũng đồng nghĩa với việc tôn trọng chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Với những bằng chứng nêu trên, Tuyên bố ngày 4-9-1958 của Trung Quốc liên quan tới chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam là trái với Luật quốc tế, xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Dưới góc độ Luật quốc tế, Tuyên bố ngày 4-9-1958 của Trung Quốc liên quan tới chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam là một tuyên bố đơn phương, không có giá trị pháp lý. Do đó, bất cứ văn bản nào ủng hộ tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng không có giá trị pháp lý, không ràng buộc với các bên liên quan.

2. Về nội dung Công thư năm 1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng

Sau khi có tuyên bố nêu trên của Trung Quốc, ngày 14-9-1958, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng gửi Công thư cho Thủ tướng Chu Ân Lai với nội dung như sau:

“Thưa Đồng chí Tổng lý,

Chúng tôi xin trân trọng báo tin để Đồng chí Tổng lý rõ: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4-9-1958 của Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa quyết định về hải phận của Trung Quốc.

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung Quốc trong mọi quan hệ với nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trên mặt biển. Chúng tôi xin kính gửi Đồng chí Tổng lý lời chào rất trân trọng⁽⁴⁾.

Công thư năm 1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng có hai nội dung rất rõ ràng: I) *Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ghi*

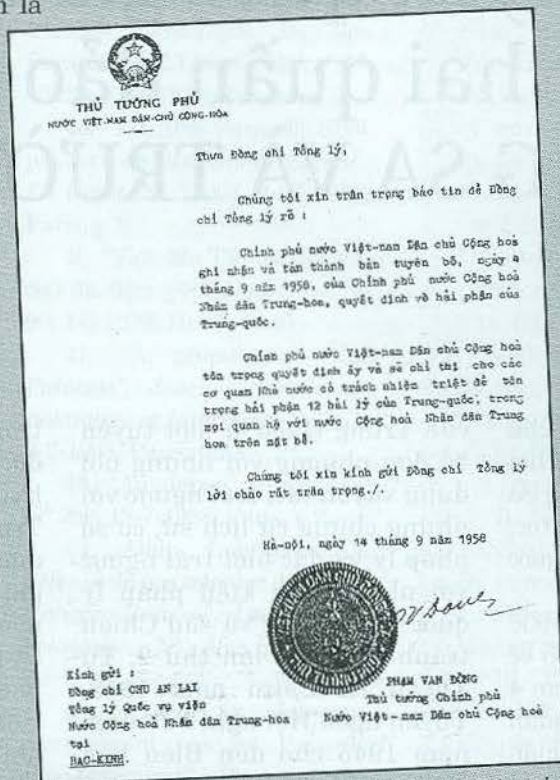
nhận và tán thành quyết định về hải phận 12 hải lý của Trung Quốc; II) Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chỉ thị cho các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung Quốc.

Trong Công thư năm 1958, Thủ tướng Phạm Văn Đồng không nêu tên bất cứ đảo và quần đảo nào và không có nội

quần đảo...) và vùng nước (vùng nước trong lãnh thổ, vùng nước lãnh hải...). Vùng đất luôn thuộc chủ quyền tuyệt đối của quốc gia, còn vùng nước lãnh hải không thuộc chủ quyền tuyệt đối của quốc gia⁽⁵⁾. Trong Công thư năm 1958, Thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ tuyên bố công nhận chiều rộng lãnh hải 12 hải lý của vùng nước lãnh hải nói chung, chứ không tuyên bố công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với vùng đất và vùng nước cụ thể nào cả, nghĩa là không tuyên bố công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

Trong *Sách Trắng* được Bộ Ngoại giao Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam công bố ngày 28-9-1979 với tiêu đề “Chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”, Bộ Ngoại giao đã tuyên bố rằng cách hiểu của Trung Quốc về bức thư ngày 14-9-1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng là công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là xuyên tạc, khi mà mục đích và hàm ý của công thư chỉ nhằm công nhận chiều rộng lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc⁽⁶⁾.

Nhiều học giả trong và ngoài nước cùng có quan điểm như trên về nội dung Công thư năm 1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Trong cuốn *Le Vietnam et ses différends maritimes dans la mer de Chine* (Việt Nam và các tranh chấp trên biển ở Biển Đông), Tiến sĩ Luật học Nguyễn Hồng Thao – chuyên gia có uy tín về Luật quốc tế khẳng định như sau: “La note de Pham Van Dong ne contient aucune renonciation explicite de la souveraineté sur les deux archipels au profit de la



Công hàm của Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Phạm Văn Đồng gửi cho Thủ tướng Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Chu Ân Lai vào năm 1958. Nguồn: Nguyễn Q. Thắng, Hoàng Sa - Trường Sa lãnh thổ Việt Nam nhìn từ Công pháp Quốc tế, Nxb. Tri Thức, 2008

dung nào đề cập đến vấn đề chủ quyền đối với các đảo và quần đảo như Trung Quốc đã nêu. Nội dung Công thư năm 1958 không hề công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa mà chỉ công nhận chiều rộng lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc.

Về vấn đề này, dưới góc độ Luật quốc tế, chúng ta cần phân biệt các bộ phận khác nhau của lãnh thổ quốc gia, trong đó có vùng đất (đất lục địa, các đảo,

Chine”⁽⁷⁾ (Lá thư của Phạm Văn Đồng không hề nói đến việc từ bỏ chủ quyền ở hai quần đảo cho Trung Quốc).

Giống như quan điểm nêu trên, trong cuốn sách *La Souveraineté sur les Archipels Paracels et Spratleys*, (Chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa), bà Monique Chemillier-Gendreau viết như sau: “La déclaration de Pham Van Dong se tient strictement, il est vrai, à la reconnaissance de la largeur de la mer territoriale chinoise. Il est donc inexact de soutenir que le Viet Nam aurait ainsi “réaffirmé sa reconnaissance de la prétention chinoise” sur les archipels”⁽⁸⁾ (Tuyên bố của ông Phạm Văn Đồng chỉ hạn chế ở việc nhìn nhận bề rộng lãnh hải của Trung Quốc. Cho rằng Việt Nam “tái xác định việc công nhận chủ quyền của Trung Quốc” ở các quần đảo là điều không đúng).

Tuy nhiên, dưới góc độ Luật quốc tế, bà Monique Chemillier-Gendreau lại có cách nhìn nhận như sau: “Néanmoins, son silence devant l’affirmation de souveraineté chinoise sur les îles peut être interprété comme un acquiescement”⁽⁹⁾ (Dẫu vậy, sự im lặng trước sự khẳng định chủ quyền của Trung Quốc tại các đảo có thể được hiểu như là một sự đồng thuận).

Dưới góc độ Luật quốc tế, cách nhìn nhận này sẽ là đúng, nếu như hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đang nằm dưới sự quản lý của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tuy nhiên vào năm 1958, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa còn đang nằm dưới sự quản lý của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, do đó sự im lặng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không có nghĩa là có sự đồng thuận đối với tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Mặt khác, vào thời điểm năm 1958, do tính chất mối

quan hệ đặc biệt giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Trung Quốc, cho nên Công thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ có mục đích duy nhất là ủng hộ tuyên bố của Trung Quốc về chiều rộng lãnh hải 12 hải lý của nước này. Đây là một hành động thể hiện thiện chí của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ủng hộ Trung Quốc, đang phải đối mặt với việc Mỹ nỗ lực đưa tàu sân bay vào hoạt động tại eo biển Đài Loan. Việc trong Công thư năm 1958, Thủ tướng Phạm Văn Đồng không đề cập đến tuyên bố của Trung Quốc liên quan đến chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vì hai lý do sau: I) Thủ tướng Phạm Văn Đồng không có thẩm quyền đối với hai quần đảo này. II) Hai quần đảo này đang nằm dưới sự quản lý của chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

3. Về thẩm quyền quyết định các vấn đề liên quan đến chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào thời điểm năm 1958

Vào thời điểm năm 1958, Hiến pháp năm 1946 của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đang có hiệu lực pháp lý và là văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất quy định tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước, trong đó có Nghị viện nhân dân (Quốc hội), Chính phủ, Chủ tịch nước. Theo quy định của Hiến pháp năm 1946, Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền cao nhất của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Nghị viện nhân dân giải quyết mọi vấn đề chung cho toàn quốc, đặt ra các pháp luật, biểu quyết ngân sách, chuẩn y các hiệp ước mà Chính phủ ký với nước ngoài⁽¹⁰⁾. Ngoài ra Hiến pháp năm 1946 còn quy định “Những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia sẽ đưa ra nhân dân phúc quyết, nếu hai phần ba tổng số nghị viên đồng ý”⁽¹¹⁾.

Theo quy định của Hiến pháp năm 1946, Chính phủ Việt Nam

Dân chủ Cộng hòa là cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc. Chính phủ gồm có Chủ tịch nước, Phó chủ tịch nước và Nội các; Nội các có Thủ tướng, các Bộ trưởng, Thứ trưởng. Chính phủ không có quyền lãnh thổ quốc gia⁽¹²⁾. Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước đồng thời đứng đầu Chính phủ. Chủ tịch nước chọn Thủ tướng trong Nghị viện và đưa ra Nghị viện biểu quyết, ký sắc lệnh bổ nhiệm Thủ tướng, chủ tọa Hội đồng Chính phủ, ký hiệp ước với các nước...; mỗi Sắc lệnh của Chính phủ phải có chữ ký của Chủ tịch nước⁽¹³⁾.

Hiến pháp năm 1946 không quy định bất cứ nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể nào của Thủ tướng, mà chỉ quy định Thủ tướng phải chịu trách nhiệm về con đường chính trị của Nội các⁽¹⁴⁾.

Theo những quy định nêu trên, thì Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không có quyền quyết định các vấn đề liên quan đến chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Các vấn đề liên quan đến chủ quyền lãnh thổ quốc gia do Nghị viện nhân dân quyết định hoặc đưa ra nhân dân phúc quyết. Thủ tướng cũng không có quyền thay mặt Nhà nước cũng như thay mặt Chính phủ để tuyên bố các vấn đề liên quan đến chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Về vấn đề này TS Nguyễn Hồng Thao đã khẳng định: “La portée de cette note n’a pas non plus la valeur obligatoire de renoncer à une souveraineté. En vertu de ses fonctions, un Premier Ministre n’a pas la compétence de céder le territoire. Cela relève au pouvoir de l’Assemblée Nationale de Viet Nam”⁽¹⁵⁾ (Hiệu lực của lá thư này cũng không có giá trị bắt buộc ở việc từ bỏ chủ quyền. Theo chức năng của ông này, một Thủ tướng không có thẩm quyền để nhượng lãnh thổ. Đây là thẩm quyền thuộc về Quốc hội).

Từ những phân tích trên, chúng ta đi đến nhận định sau: Vào thời điểm năm 1958, Thủ

tướng Phạm Văn Đồng không có thẩm quyền quyết định các vấn đề liên quan đến chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Thủ tướng không có tư cách pháp lý thay mặt Nhà nước, thay mặt Chính phủ công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

4. Về chủ thể thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa theo các văn kiện đã được ký kết tại Hội nghị Genève

Hội nghị Genève bàn về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương khai mạc vào ngày 8-5-1954. Tham dự hội nghị chính thức có 9 phái đoàn gồm Anh, Hoa Kỳ, Liên Xô, Trung Quốc, Pháp, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Quốc gia Việt Nam, Lào, Campuchia. Hội nghị kết thúc ngày 21-7-1954 với 3 Hiệp định đình chiến ở Việt Nam, Lào, Campuchia và Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève về lập lại hòa bình ở Đông Dương. Trung Quốc đã ký vào tất cả các văn kiện nêu trên.

Liên quan đến phần vùng lãnh thổ trên đất liền và trên biển của Việt Nam, Hiệp định đình chiến ở Việt Nam quy định: “Giới tuyến quân sự tạm thời (vĩ tuyến 17) giữa hai vùng tập kết cuối cùng được kéo dài đến mặt nước thuộc lãnh thổ ấy bởi đường thẳng góc đến đường ranh chung của lãnh hải. Tất cả các hòn đảo thuộc lãnh hải phía bắc của đường ranh giới sẽ được rút quân bởi lực lượng quân đội của Liên hiệp Pháp, còn tất cả các hòn đảo phía nam của nó sẽ được rút quân bởi Quân đội Nhân dân Việt Nam”¹⁶). Theo các quy định này, các đảo ở nam vĩ tuyến 17, bao gồm hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, thuộc quyền quản lý của Quốc gia Việt Nam (sau này gọi là Việt Nam Cộng hòa). Như vậy, theo các văn kiện của Hội nghị Genève, chủ thể thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là Quốc gia Việt Nam và sau này Việt Nam Cộng hòa.

Phù hợp với các văn kiện của Hội nghị Genève, sau khi Pháp rút khỏi Việt Nam vào năm 1956, Việt Nam Cộng hòa đã tiếp

quản hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và đã có nhiều hoạt động trên mọi lĩnh vực trong đó có lĩnh vực quân sự và ngoại giao để thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Do đó vào thời điểm năm 1958, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không phải là chủ thể thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Cùng chung với quan điểm này, Thạc sĩ Hoàng Việt, thành viên Quỹ Nghiên cứu Biển Đông kiêm cố vấn học thuật của Trung tâm dữ liệu Hoàng Sa đã nhận định: “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không thể quyết định hoặc chuyển giao một thứ mà mình không có thẩm quyền quản lý theo công pháp quốc tế và cũng không kiểm soát nó trong thực tế. Bởi theo các quy định trong Hiệp định Genève năm 1954 thì trên lãnh thổ Việt Nam lúc đó tồn tại song song hai quốc gia, từ vĩ tuyến 17 trở ra phía Bắc là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, từ vĩ tuyến 17 trở vào phía Nam là lãnh thổ thuộc Việt Nam Cộng hòa. Hoàng Sa, Trường Sa đều

Hội nghị San Francisco và chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa, năm 1951. Tại Hội nghị này, ông Trần Văn Hữu - Thủ tướng chính quyền Bảo Đại đã tuyên bố: “... để dập tắt những mầm mống các tranh chấp sau này, chúng tôi khẳng định chủ quyền của chúng tôi đối với các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, những quần đảo luôn thuộc về Việt Nam”, mà không gặp bất cứ sự phản đối hoặc bảo lưu quốc tế nào.



nằm ở phía Nam của vĩ tuyến 17, thuộc sự quản lý của Việt Nam Cộng hòa¹⁷.

Như vậy, vào năm 1958, chủ thể thực thi chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là Việt Nam Cộng hòa, chứ không phải là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, do đó Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không có quyền công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Căn cứ vào những lập luận nêu trên, tác giả có một số nhận định sau đây:

I. Tuyên bố ngày 4-9-1958 của Trung Quốc liên quan tới chủ quyền hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam là một tuyên bố đơn phương, trái với Luật quốc tế, xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, do đó không có giá trị pháp lý. Bất cứ văn bản nào ủng hộ tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng không có giá trị pháp lý, không ràng buộc với các bên liên quan.

II. Nội dung Công thư năm 1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ công nhận chiều rộng lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc, không công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

III. Theo quy định của Hiến pháp năm 1946 của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, việc quyết định các vấn đề liên quan đến chủ quyền lãnh thổ quốc gia không thuộc thẩm quyền của Chính phủ nói chung và của Thủ tướng Chính phủ nói riêng. Thủ tướng Phạm Văn Đồng chỉ có thẩm quyền tuyên bố ủng hộ chiều rộng lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc, chứ không có thẩm quyền công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

IV. Theo các văn kiện của Hội nghị Genève và các bằng chứng lịch sử, vào năm 1958, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc quyền quản lý của Việt

Nam Cộng hòa. Do đó Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không có thẩm quyền công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Với những nhận định như trên tác giả đi đến kết luận như sau:

Công thư năm 1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng không có giá trị pháp lý trong việc công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Việc Trung Quốc luôn viện dẫn Công thư năm 1958 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng là một “bằng chứng” về việc Việt Nam đã công nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là sự xuyên tạc trắng trợn, xâm phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

Hoàng Sa và Trường Sa là của Việt Nam. Việt Nam không bao giờ từ bỏ chủ quyền lãnh thổ quốc gia đối với hai quần đảo này.■

* ThS. Phó Hiệu trưởng trường Đại học Luật, Đại học Huế.

CHÚ THÍCH:

1. Nguyễn Bá Diển (2011), “Về bức thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngày 14-9-1958 và vấn đề chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam”, Tạp chí *Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, Luật học 27 (2011), tr.241.

2. Nguyễn Thanh Minh (2017), “Một số hội nghị quốc tế liên quan đến chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (1943-1954)”, <http://nghien-cuu-bien-dong.vn/nguyen-cuu-vietnam/6480-mot-so-hoi-nghi-quoc-te-lien-quan-den-chu-quyen-cua-vietnam-doi-voi-hai-quan-dao-hoang-sa-va-truong-sa-1943-1954>.

3. Hội nghị Genève năm 1954, *Điểm 12 trong Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève về lập lại hòa bình ở Đông Dương*.

4. Báo Điện tử Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2014), “Công hàm 1958 với chủ quyền Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam”, <http://baohinhphu.vn/Tin-noi-bat/Cong-ham-1958-voi-chu-quyen-Hoang-Sa-Truong-Sa-cua-Viet-Nam/199959.vgp>.

5. Nguyễn Thị Thuận, Nguyễn Thị Hà (đồng chủ biên), *Giáo trình Luật Quốc tế 1*, Đại học Huế, tr.151-152.

6. Bộ Ngoại giao, “Chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”, *Sách Trắng* năm 1979 được Bộ Ngoại giao công bố ngày 28/9/1979.

7. Nguyễn Hồng Thao, *Le Vietnam et ses différends maritimes dans la mer de Bién Đông (Việt Nam và các tranh chấp trên biển ở Biển Đông)*, Edition A. Pedone, ISBN 2-233-00451-5, tr.251.

8. Monique Chemillier-Gendreau, *La Souveraineté sur les Archipels Paracels et Spratleys (Chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa)*, Nxb. Harmattan 1996, p.122-123.

9. Nguyễn Hồng Thao, *Le Vietnam et ses différends maritimes dans la mer de Bién Đông (Việt Nam và các tranh chấp trên biển ở Biển Đông)*, Edition A. Pedone, ISBN 2-233-00451-5, tr.251.

10. Xem Điều 22 và Điều 23 Hiến pháp năm 1946.

11. Điều 32 Hiến pháp năm 1946.

12. Xem Điều 43, 44, 52 Hiến pháp năm 1946.

13. Xem Điều 47, Điều 49, Điều 53 Hiến pháp năm 1946.

14. Xem Điều 54 Hiến pháp năm 1946.

15. Nguyễn Hồng Thao, *Le Vietnam et ses différends maritimes dans la mer de Bién Đông (Việt Nam và các tranh chấp trên biển ở Biển Đông)*, Edition A. Pedone, ISBN 2-233-00451-5, tr.251.

16. Hội nghị Genève năm 1954, *Điều 4 Hiệp định đình chiến ở Việt Nam*.

17. Việt Hoàng, “Công thư 1958 không có giá trị pháp lý”, <https://vnexpress.net/thoi-su/cong-thu-1958-khong-co-gia-tri-phap-ly-2995323.html>.